

**BẢN TIN TUẦN**

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ  
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Lưu vực sông Sê San**

**(Tuần từ 10/9/2020 đến 17/9/2020)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

*Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính*

TT	Trạm	Lượng mưa tuần qua (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So (4) với cùng kỳ (+/- %)					Lượng mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Kon Tum	30	1184	-12	-4	-1	-35	-12	57
2	Đắk Tô	68	1093	-24	+21	+6	-35	-14	45
3	Kon Plong	25	924	-7	+138	+39	-42	-13	65
4	Plei Ku	51	1254	-24	+3	+11	-40	-23	75
<b>Trung bình</b>		<b>47</b>	<b>1095</b>						<b>65</b>

**Nhận xét:** Tuần qua trên lưu vực sông Sê San tại các trạm có mưa, lượng mưa tuần qua đạt 30 ÷ 68 mm. Tổng lượng mưa tích lũy từ 1/1/2020 trên lưu vực sông Sê San giao động từ 924 ÷ 1254 mm, so với TBNN tại các trạm thấp hơn từ 7 ÷ 24%. Dự báo trong tuần tới, tại các trạm trên lưu vực sông Sê San có mưa đến mưa, lượng mưa trung bình khoảng 65 mm.

**2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

*Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi*

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cà Sâm	1,73	1,48	27	15	-18	+13	-29	-47	-25	Tăng
2	Đắk Trít	1,48	1,12	98	97	+22	+31	+29	+25	-4	Tăng
3	Đắk Loh	4,15	2,70	59	35	0	-1	+1	-3	-1	Tăng
4	Ya Bang Thượng	1,88	1,85	37	36	-9	-6	+6	-23	-32	Tăng
5	Đắk Yên (*)	6,40	5,95	45	39	+3	+10	+14	-14	-4	Tăng
6	Đắk Kan	3,20	1,56	100	100	+28	+27	+29	+29	+28	Giảm
7	Đắk Hơ Niêng	0,80	0,44	78	61	-16	-22	-19	-19	+3	Tăng
8	Đắk Uy (*)	29,66	25,84	40	31	-2	+15	+6	-43	-30	Tăng
9	Đắk Ron Ga	6,55	4,07	71	53	-2	+1	-25	-2	+16	Tăng
10	Đắk Chà Mòn	1,57	1,37	68	63	-7	-3	-5	-26	+4	Tăng
11	Đắk Sa Men	1,36	1,11	65	57	+15	+5	+31	+1	+6	Tăng
12	Đắk Prông	2,22	2,04	64	61	-12	-12	+8	-35	-22	Tăng
13	Đắk Rơ Wa	0,74	0,62	89	86	+18	+23	+33	-3	+21	Tăng
14	C19	0,31	0,24	113	103	+46	+39	+74	36	+7	Giảm
15	Đắk Prông	1,24	1,05	75	71	+10	+52	+45	-25	+3	Tăng

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>	TBNN	2015	2016	2018	2019	
16	Kon Tu Zốp	0,50	0,35	73	61	-1	+6	-15	-15	-7	Tăng
17	Tân Điền	0,87	0,78	88	86	+24	+25	+10	+28	+19	Tăng
18	Đăk Hơ Na	2,05	1,94	59	56	-30	-23	-2	-41	-44	Tăng
19	Hồ Chè	0,59	0,55	31	26	-14	+14	+2	-67	-20	Tăng
20	Đăk Hơ Nia	1,14	0,95	43	32	-39	-50	-46	-41	-36	Tăng
21	Đăk Trang	1,21	1,02	40	29	-37	-43	-40	-28	-44	Tăng
22	Biển Hồ	42,00	28,50	57	37	-3	+4	-5	-43	-48	Tăng
23	Ia Hrung	2,09	1,58	87	83	-3	-1	-2	-7	-3	Tăng
24	Ia Năng	0,46	0,45	85	84	-6	-15	-7	-15	+19	Tăng
25	Tân Sơn	4,40	4,09	35	30	-51	-49	-32	-65	-67	Tăng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>118,6</b>	<b>91,7</b>	<b>55</b>	<b>41</b>	<b>-4</b>	<b>+4</b>	<b>-1</b>	<b>-32</b>	<b>-28</b>	<b>Tăng</b>

**Nhận xét:** Hiện nay, tổng dung tích 25 hồ chứa trên lưu vực sông Sê San thuộc địa phận các tỉnh Kon Tum và Gia Lai là 64,98/118,6 triệu m<sup>3</sup>, tổng dung tích toàn bộ đạt 55% thấp hơn 1% so với TBNN.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

*Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du*

Công trình	Dung tích toàn bộ (triệu m <sup>3</sup> )		Tỉ lệ hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo xu thế nguồn nước	Q đến (m <sup>3</sup> /s)	Q chạy máy (m <sup>3</sup> /s)	Mức nước HT so với QTHVH
	Thiết kế	Hiện tại	W <sub>tb</sub>	W <sub>hi</sub>	TBNN	2015	2016	2018	2019				
Pleikrông	1.048,7	160,3	15	6	-51	-14	-14	-82	-67	Tăng	123	151	Thấp hơn
Ialy	1.037,0	358,4	35	13	-38	-5	-33	-58	-48	Tăng	186	240	Thấp hơn
Sê San 3	92,0	88,4	96	6	-1	0	0	-1	0	Tăng	180	281	Tương đương
Sê San 4	893,3	722,7	81	35	-8	+7	+4	-16	-16	Tăng	230	233	Thấp hơn
Sê San 4A	13,1	10,2	78	62	-17	+13	-18	-30	-29	Tăng	238	249	Tương đương
<b>Tổng</b>	<b>3.078,8</b>	<b>1.340,0</b>								<b>Tăng</b>			

**Nhận xét:** Hiện nay dung tích toàn bộ của các hồ đạt từ 15 ÷ 96% dung tích thiết kế. Tổng dung tích hiện tại của các hồ là 1.340 triệu m<sup>3</sup>. So với TBNN dung tích toàn bộ các hồ thấp hơn từ 1 ÷ 51. Dự báo trong tuần tới nguồn nước đến các hồ thủy điện có xu hướng tăng, lượng nước bổ sung cho hạ du khoảng 151 ÷ 281 m<sup>3</sup>/s.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠ HÁN

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi cho 25 công trình hồ chứa vừa và lớn vụ Mùa tưới cho 8.869 ha (Lúa 2.325 ha, màu và cây công nghiệp 6.654 ha), diện tích đảm bảo tưới là 8.869 ha đạt 100%. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy:

- Có 25/25 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

T T	Tên công trình	W <sub>th</sub> hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	Nhiệm vụ (ha)	Dự báo tuần 10/9 ÷ 17/9/2020, Vụ Mùa 2020				Khuyến cáo
				W <sub>hi</sub> hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	W <sub>hi</sub> cuối tuần tới (%)	
1	Hồ Cà Sâm	0,48	136	15	100	136	19	Đủ nước
2	Đăk Trít	1,45	102	97	100	102	99	Đủ nước
3	Đăk Loh	2,44	88	35	100	88	38	Đủ nước
4	Ya Bang Thượng	0,70	132	36	100	132	40	Đủ nước
5	Đăk Yên (*)	2,85	213	39	100	213	41	Đủ nước
6	Đăk Kan	3,20	285	100	100	285	100	Đủ nước
7	Đăk Hơ Niêng	0,63	273	61	100	273	62	Đủ nước
8	Đăk Uy (*)	11,92	3469	31	100	3469	35	Đủ nước
9	Đăk Ron Ga	4,65	130	53	100	130	55	Đủ nước
10	Đăk Chà Mòn	1,07	25	63	100	25	69	Đủ nước
11	Đăk Sa Men	0,88	45	57	100	45	62	Đủ nước
12	Đăk Prông	1,42	60	61	100	60	62	Đủ nước
13	Đăk Rơ Wa	0,66	18	86	100	18	89	Đủ nước
14	C19	0,32	191	100	100	191	100	Đủ nước
15	Đăk Prông	0,94	68	71	100	68	73	Đủ nước
16	Kon Tu Zốp	0,36	17	61	100	17	64	Đủ nước
17	Tân Điền	0,76	103	86	100	103	87	Đủ nước
18	Đăk Hơ Na	1,20	41	56	100	41	58	Đủ nước
19	Hồ Chè	0,18	87	26	100	87	27	Đủ nước
20	Đăk Hơ Nia	0,49	76	32	100	76	40	Đủ nước
21	Đăk Trang	0,48	19	29	100	19	36	Đủ nước
22	Biển Hồ	24,14	2283	37	100	2283	39	Đủ nước
23	Ia Hrung	1,83	295	83	100	295	85	Đủ nước
24	Ia Năng	0,39	118	84	100	118	87	Đủ nước
25	Tân Sơn	1,54	595	30	100	595	36	Đủ nước
	<b>Tổng cộng</b>	<b>64,98</b>	<b>8869</b>			<b>8869</b>		

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Kết quả tổng hợp lượng mưa từ đầu năm 2020 và lượng mưa dự báo trong tuần tới, so sánh với các năm điển hình cùng thời đoạn được tổng hợp theo từng trạm tương ứng với phạm vi ảnh hưởng tại mỗi trạm trên lưu vực được thể hiện như bảng sau:

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn tại các vùng

Trạm	Vùng	Mưa từ 01/01/2020 và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Kon Tum	TP Kon Tum, Đăk Hà	1242	+57	-13	-41	
Đăk Tô	Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đăk Tô	1139	+80	-25	-46	
Kon Plong	KonPlong, Kon Rẫy	989	+147	-9	-54	
Plei Ku	TP PleiKu, Ia Grai, ChưPah	1329	+67	-24	-51	

**Nhận xét:** Lượng mưa cộng dồn từ 01/01/2020 tính đến thời điểm hiện tại và dự báo tuần tới trên vùng lưu vực sông Sê San tại Kon Tum có thể thấp hơn TBNN từ 9 ÷ 25%. Như vậy khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước vụ Mùa 2020 dự báo có thể ở mức độ nhẹ nhưng vẫn có thể diễn biến phức tạp, đặc biệt đối với các vùng sản xuất phụ thuộc nước mưa nằm tại vị trí thượng nguồn, hoặc diện tích canh tác của người dân quá lớn vượt khả năng nguồn nước tự nhiên.

## 2.3 Tổng hợp thông tin hạn

Bảng 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán trong vùng

Diện tích (ha)				Chuyển đổi do thiếu nước (ha)	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất do thiếu nước (ha)	Diện tích bị ảnh hưởng (ha)		
Tổng	Lúa	Màu, cây hàng năm khác	Cây công nghiệp lâu năm			Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
123.820	24.900	7.770	91.150					

## 2.4 Khuyến cáo tích nước

Bảng 2.4. Khuyến cáo tích nước hồ chứa có cửa van điều tiết lũ

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Lưu lượng xả lũ lớn nhất (m <sup>3</sup> /s)	Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất cho phép tại thời điểm tính toán (m)			W đến dự báo hết mùa lũ (triệu m <sup>3</sup> )	W hồ dự báo (%)	Khuyến cáo tích nước
				MNDBT	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước hồ nhỏ nhất khuyến cáo			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đắk Yên (*)	551,80	0	556,70	554,40	549,96	3,91	100	Vận hành BT
2	Đắk Hơ Niêng	663,77	0	665,05	665,05	663,05	1,15	100	Vận hành BT
3	Đắk Uy (*)	631,90	0	640,30	633,30	630,30	15,18	92	Chủ động tích nước
4	Đắk Rơn Ga	611,75	0	614,05	614,05	609,55	6,29	100	Vận hành BT

**Nhận xét:** Tổng lượng dòng chảy từ nay đến cuối mùa lũ đến các tuyến công trình hồ Đắk Yên, Đắk Hơ Niêng, Đắk Uy, Đắk Rơn Ga đạt từ 1,15 ÷ 15,18 triệu m<sup>3</sup>. Dự báo từ nay đến cuối mùa lũ dung tích các hồ chứa sẽ gia tăng rất lớn; 3 hồ chứa Đắk Hơ Niêng, Đắk Yên, Đắk Rơn Ga có khả năng đạt 100% dung tích thiết kế; hồ chứa Đắk Uy có khả năng đạt khoảng 92% dung tích thiết kế của hồ. Khuyến cáo duy trì chế độ vận hành bình thường đối với hồ chứa Đắk Hơ Niêng, Đắk Yên, Đắk Rơn Ga; đối với hồ chứa Đắk Uy cần chủ động phương án tích nước để đảm bảo nguồn nước cho vụ tiếp theo.

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, tình hình hạn hán trong vụ Mùa trên địa bàn lưu vực sông Sê San khả năng xảy ra hạn hán là rất thấp. Tuy nhiên, vùng ngoài công trình thủy lợi vẫn có khả năng bị ảnh hưởng bởi hạn hán ở mức độ nhẹ tại các khu vực đất sản xuất thuộc huyện Đắk Hà, Đắk Tô, Ngọc Hồi, Đắk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy, Chư Pah, Ia Grai và thành phố Kon Tum.

Đối với một số hồ chứa nước có cửa van dung tích trữ đã đạt mức cao như Đắk Trít (97%), Đắk Kan (100%), C19 (100%) cần theo dõi chặt chẽ mức nước hồ, khuyến cáo nên tiến hành xả bớt lượng nước tích trữ trong hồ để đảm bảo an toàn công trình trong trường hợp có mưa lớn bất thường vì khả năng tích đầy nước trong các hồ trong giai đoạn tháng 9, 10 còn rất lớn.

**-Kiến nghị các địa phương thực hiện một số các giải pháp sau:**

+ Tăng cường truyền thông sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn nước;

+ Tăng cường áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm cho cây rau màu và cây lâu năm;

+ Đơn vị quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi cần quản lý thực hiện chặt chẽ, sát sao công tác vận hành nhằm giảm thiểu thất thoát nguồn nước, hài hòa lượng nước tưới trong toàn khu tưới của các công trình;

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ rừng và thảm phủ thực vật trên lưu vực;

Kết quả tính toán và khuyến cáo đưa ra dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa dài hạn trước 2 tháng. Hiện tại, số lượng, mật độ lưới trạm quan trắc còn thưa so với yêu cầu nên kết quả dự báo sẽ có những sai số. Vì vậy cần tiếp tục theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa, nguồn nước trong giai đoạn tới.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 18/9/2020**